

Số: /BC-CĐS

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

1.1. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định kỹ thuật

a) Đã tham mưu, trình Bộ ban hành các văn bản: Kế hoạch phát triển Chính phủ số và đảm bảo an toàn thông tin mạng của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2023¹; Kế hoạch năm 2023² triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kiện toàn Tổ công tác³ của Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai Đề án 06; Danh mục mã định danh điện tử các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương⁴; Quy trình và kế hoạch làm điểm việc làm giàu, làm sạch dữ liệu đất đai, nhà ở để phối hợp triển khai làm điểm việc làm giàu, làm sạch dữ liệu về đất đai, thông tin nhà ở trong CSDL đất đai quốc gia⁵; Hướng dẫn thu thập, xác minh, cập nhật, làm sạch dữ liệu đất đai, nhà ở phục vụ làm giàu, làm sạch dữ liệu về đất đai, thông tin nhà ở trong CSDL đất đai quốc gia^{6 7}; Đề xuất các CSDL thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường cần đưa vào danh mục CSDL quốc gia⁸.

b) Xây dựng, hoàn thiện, trình Bộ trưởng xem xét, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật bảo đảm cơ sở pháp lý phục vụ xây dựng, phát triển vận hành Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường; Thông tư quy định về quản lý, kết nối, cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường; các Quyết định phê duyệt hồ sơ cấp độ và phương án bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin.

¹ Quyết định số 3621/QĐ-BTNMT ngày 23/12/2022.

² Quyết định số 388/QĐ-BTNMT ngày 24/02/2023.

³ Quyết định số 394/QĐ-BTNMT ngày 24/02/2023.

⁴ Quyết định số 453/QĐ-BTNMT ngày 03/03/2023.

⁵ Văn bản số 1293/BTNMT-CĐS ngày 03/03/2023.

⁶ Văn bản số 3552/BTNMT-CĐS ngày 18/05/2023.

⁷ Văn bản số 4805/BTNMT-CĐS ngày 21/6/2023.

⁸ Văn bản số 3696/BTNMT-CĐS ngày 24/05/2023.

c) Tham gia xây dựng, đề xuất các nội dung về CNTT, CSDL, hệ thống thông tin, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trong các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn do Bộ chủ trì...

d) Tham gia, góp ý theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ và phân công các Nghị định, Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch, Thông tư, các văn bản quản lý, hướng dẫn kỹ thuật về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số; an toàn không gian mạng quốc gia; dữ liệu quốc gia hướng tới Chính phủ số của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, Tổ công tác thực hiện Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử (Đề án 06/CP).

e) Thẩm định, tuyên truyền, phổ biến, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, kế hoạch, chiến lược, đề án, chương trình, dự án về CNTT, chuyển đổi số, xây dựng CPĐT hướng tới CPS, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh. Tham mưu tổ chức, hướng dẫn, giám sát thực hiện trong ngành tài nguyên và môi trường quy định của pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.2. Tuyên truyền nâng cao nhận thức số, đào tạo phát triển nhân lực số

a) Tuyên truyền nâng cao nhận thức số

Đã tuyên truyền đến các cấp Lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động trong việc nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số; thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 17/03/2019 của Chính phủ; Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030. Chỉ số nhận thức về chuyển đổi số của Bộ Tài nguyên và Môi trường được đánh giá đứng đầu các bộ, ngành.

b) Đào tạo, tập huấn phát triển nhân lực số

- Tổ chức, tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu để đáp ứng yêu cầu làm việc trên môi trường số.

- Đào tạo nâng cao năng lực, kỹ năng, ứng cứu sự cố về an toàn thông tin..

Kỹ năng số nói chung của của Bộ Tài nguyên và Môi trường được đánh giá cao và thực chất thể hiện qua việc ứng dụng, sử dụng CNTT mức độ cao trong công tác thường xuyên, hàng ngày.

1.3. Triển khai vận hành Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số

a) Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng số

- Hạ tầng kỹ thuật CNTT, hạ tầng số tại Bộ là **sử dụng chung**, quản lý tập trung tại các Trung tâm dữ liệu, từng bước được nâng cấp thông qua các dự án của Bộ, sử dụng công nghệ điện toán đám mây, có khả năng mở rộng linh hoạt, khai thác sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, cung cấp tài nguyên lưu trữ, tính toán đáp ứng nhu cầu cho các đơn vị thuộc Bộ, hỗ trợ các Sở Tài nguyên và Môi trường; đã hoàn thành chuyển IPv6 theo Chương trình IPv6 For Gov. Các Sở Tài nguyên và Môi trường nếu cần thiết trong ngắn hạn có thể đề xuất để được Bộ hỗ trợ về các dịch vụ hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số và triển khai Chính quyền điện tử tại địa phương.

- Bộ đang triển khai dự án “Chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường (giai đoạn 1)” với mục tiêu hoàn thiện hạ tầng số, phát triển các nền tảng số, đảm bảo an ninh, an toàn dùng chung theo hướng hiện đại, đồng bộ góp phần thực hiện thành công mục tiêu của Chương trình Chuyển đổi số tài nguyên môi trường; dự án “Xây dựng hệ thống quản lý điều hành thông minh tại Bộ Tài nguyên và Môi trường” kết nối với Trung tâm điều hành của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương nhằm hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, ra quyết định dựa trên dữ liệu số theo thời gian thực; theo dõi, giám sát, đo lường, đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện các chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ được giao, từng bước hiện đại hóa nền hành chính.

- Triển khai chữ ký số, chứng thư số, chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ: đã cấp mới 112 chứng thư số (11 cho tổ chức và 101 cho cá nhân (22 sim ký số)), đã thực hiện thay đổi thông tin chứng thư số cho 13 tổ chức và 113 cá nhân, đạt tổng số hơn 3.330 chứng thư số cho tổ chức, cá nhân và 403 sim ký số, là một trong các Bộ sử dụng nhiều và đạt tỷ lệ chứng thư số trên số lượng người dùng.

b) Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

- Về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia:

Đến nay tất cả 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã và đang triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, trong đó có **219/705** đơn vị hành chính cấp huyện đã hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính và đưa vào quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng; đến ngày 30/6/2023, Dự án VILG đã hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai của **231/231⁹** huyện (trong đó có 85 huyện chuyển đổi cơ sở dữ liệu) thuộc 28 tỉnh, thành phố với đầy đủ 4 thành phần cơ sở dữ liệu đất đai (địa chính; thống kê, kiểm kê đất đai; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất). Như vậy, trên cả nước đã có cơ sở dữ liệu của **450/705** huyện.

- Về xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia:

Thực hiện Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia” (sau đây gọi tắt là Quyết định số 40/QĐ-TTg), Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành xây dựng CSDL nền địa lý quốc gia và thành lập bản đồ địa hình quốc gia các tỷ lệ: 1:25.000, 1:100.000, 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000 phần đất liền và CSDL nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:100.000, 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000 trên vùng biển Việt Nam; đang triển khai xây dựng CSDL nền địa lý quốc gia trên vùng biển Việt Nam tỷ lệ 1:10.000, 1:50.000. Một số CSDL nền địa lý quốc gia đã được kết nối chia sẻ, cung cấp cho một số Bộ, ngành, địa phương phục vụ công tác quy hoạch, chỉ đạo điều hành và phát triển kinh tế - xã hội.

c) Về xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

Bộ Tài nguyên và Môi trường đang tiếp tục triển khai thực hiện các Đề án xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành về tài nguyên và môi

⁹ Sau khi Dự án điều chỉnh là 250 huyện, đến nay giảm 19 huyện thuộc 5 tỉnh gồm: Bắc Ninh (02 huyện), Quảng Ngãi (02 huyện), Phú Yên (01 huyện), Kiên Giang (06 huyện), Nghệ An (08 huyện) và giảm 02 tỉnh: Bắc Ninh và Kiên Giang.

trường như khí tượng thủy văn, môi trường, địa chất khoáng sản, tài nguyên nước, viễn thám...

d) Bộ đang thực hiện triển khai thực hiện Dự án “Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (giai đoạn 1)”, trong năm 2023-2024 tập trung xây dựng, đưa vào vận hành Hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu (MPLIS), đến năm 2025-2026 cơ bản hoàn thiện các quy định kỹ thuật; các nền tảng, dịch vụ tích hợp, quản lý, chia sẻ sử dụng cơ sở dữ liệu, dữ liệu mở ngành tài nguyên và môi trường **dùng chung**, bảo đảm dữ liệu cho công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ và giải quyết thủ tục hành chính cho phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ người dân và cộng đồng doanh nghiệp ngành.

c) Triển khai vận hành nền tảng số, hệ thống thông tin

- Đã triển khai các nền tảng số dùng chung, nền tảng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ (LGSP) đã bảo đảm ATTT, kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân và các hệ thống thông tin của Bộ với **233** dịch vụ, **982.469** giao dịch trong tháng 7/2023, tổng số năm 2023: **6.378.889** giao dịch; số lượng văn bản điện tử (ký số) gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng dữ liệu nội bộ trong tháng 7/2023 là **7.900** văn bản, tổng số năm 2023: **36.019** văn bản.

- Tiếp tục triển khai, vận hành các hệ thống thông tin, dịch vụ, ứng dụng Chính phủ điện tử phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, quản trị, làm việc của Bộ, các đơn vị thuộc Bộ, ngành tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử, trực tuyến; kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin của Chính phủ, với các cơ sở dữ liệu quốc gia, của các bộ, ngành qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ điện tử; Hệ thống thông tin báo cáo ngành tài nguyên và môi trường; Hệ thống họp trực tuyến; Hệ thống tương tác trong chỉ đạo điều hành giữa Bộ với các Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương; Hệ thống một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công trực tuyến; Hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý khoa học và công nghệ; Hệ thống hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra và giải quyết tranh chấp, khiếu nại tố cáo ngành tài nguyên và môi trường; Hệ thống quản lý tài liệu hội nghị; Hệ thống tiếp nhận và trả lời ý kiến công dân; Hệ thống thư điện tử; Cổng thông tin điện tử...

1.4. Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến; kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng thông tin một cửa quốc gia

a) Tiếp tục vận hành, cung cấp 91 DVCTT, trong đó 46 DVCTT mức độ toàn trình (chiếm tỷ lệ 50,5%); kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, về bảo hiểm, về dân cư và Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống EMC) của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Đã tích hợp, cung cấp 89 DVCTT trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đạt tỷ lệ 97,8% trên tổng số 91 DVCTT đã triển khai (02 DVCTT không tích hợp do triển khai tích hợp, kết nối với Hệ thống một cửa quốc gia, gồm: (1) Chấp thuận đăng ký vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại theo Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại và việc tiêu hủy chúng; (2) Cho phép

đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại); sẵn sàng tích hợp thêm các DVCTT còn lại khi đủ điều kiện.

c) Tiếp tục hoàn thiện, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021, Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

1.5. Triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030

a) Bộ đã ban hành các Quyết định: (i) Kế hoạch năm 2023¹⁰ triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi là Đề án 06); (ii) Kiện toàn Tổ công tác¹¹ của Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai Đề án 06; Bộ Tài nguyên và Môi trường đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường để triển khai thực hiện 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi, chức năng của Bộ, ngành, đồng thời triển khai thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

b) Đã thực hiện rà soát văn bản QPPL có nội dung quy định liên quan đến Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú hoặc có yêu cầu xuất trình giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú là 11 văn bản, trong đó, lĩnh vực đất đai có 08 văn bản, lĩnh vực địa chất và khoáng sản có 01 văn bản, lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo có 02 văn bản. Tổng số các thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực tài nguyên và môi trường quy định việc nộp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú hoặc có yêu cầu về giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú và sử dụng thông tin về nơi cư trú là điều kiện để thực hiện TTHC gồm 09 nội dung, trong đó, lĩnh vực đất đai có 06 nội dung, lĩnh vực địa chất và khoáng sản có 01 nội dung, lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo có 02 nội dung.

c) Bộ đã chỉ đạo, hoàn thành thực hiện nhiệm vụ “Rà soát các hệ thống bản đồ hành chính quốc gia, thống nhất lựa chọn công nghệ và bản đồ số phục vụ cho việc xây dựng, cập nhật, quản lý dữ liệu địa chỉ số về đất đai và nhà ở” được giao trong Đề án 06/CP.

d) Tiếp tục triển khai kết nối, chia sẻ 18 trường thông tin dữ liệu giữa CSDL đất đai với CSDL quốc gia về dân cư, đến nay đã kết nối **63/63** tỉnh, thành phố với dữ liệu của **461/705** đơn vị cấp huyện, **6.198/10.599** đơn vị cấp xã với tổng số hơn **26** triệu thửa đất (Danh sách chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo).

e) Hoàn thành xây dựng, kết nối, tích hợp, công bố, cung cấp DVCTT mức độ 4 đối với thủ tục nêu trên trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, kết nối với

¹⁰ Quyết định số 388/QĐ-BTNMT ngày 24/02/2023.

¹¹ Quyết định số 394/QĐ-BTNMT ngày 24/02/2023.

CSDLQG về dân cư, đến nay đã có **63/63** tỉnh, thành phố triển khai, phát sinh **17.743** hồ sơ (Danh sách chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo).

f) Triển khai Quyết định số 422/QĐ-TTg, đã xây dựng, triển khai tích hợp, cung cấp DVCTT trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, đến nay đã có **48/63** tỉnh, thành phố triển khai, phát sinh **19.029** hồ sơ (Danh sách chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo).

g) Về xây dựng giải pháp làm sạch dữ liệu về đất đai, thông tin nhà ở trong CSDL đất đai quốc gia; kết nối, xác thực với CSDL quốc gia về dân cư phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai, nhà ở, giao dịch bất động sản.

- Bộ đã hoàn thành “Xây dựng giải pháp làm sạch dữ liệu về đất đai, thông tin nhà ở trong CSDL đất đai quốc gia” tại văn bản số 1293/BTNMT-CĐS ngày 03/03/2023 hướng dẫn về “Quy trình làm điểm việc làm giàu, làm sạch dữ liệu đất đai, nhà ở tại TP. Hà Nội và tỉnh Hà Nam thực hiện nhiệm vụ của Đề án 06/CP”; văn bản số 3552/BTNMT-CĐS ngày 18/05/2023 hướng dẫn chi tiết “Thu thập, xác minh, cập nhật, làm sạch dữ liệu đất đai, nhà ở” (phiên bản 1.0, phục vụ làm điểm tại tỉnh Hà Nam) và văn bản số 4805/BTNMT-CĐS ngày 21/06/2023 hướng dẫn chi tiết “Thu thập, xác minh, cập nhật, làm sạch dữ liệu đất đai, nhà ở” (phiên bản 2.0, phục vụ làm điểm tại thành phố Hà Nội).

- Đã hoàn thành triển khai làm điểm việc làm giàu, làm sạch dữ liệu đất đai, nhà ở tại Phường Hoà Mạc (Thị xã Duy Tiên) và Phường Minh Khai (Thành phố Phủ Lý) của tỉnh Hà Nam. Dữ liệu sau khi thu thập, xác minh của 02 Phường này đã được chuyển sang Cục C06 để kết nối, xác thực với CSDL quốc gia về dân cư phục vụ công tác quản lý nhà nước; Đang tiếp tục triển khai tại 02 Phường (Trần Phú, Chương Dương) của TP. Hà Nội và 30 Phường còn lại của quận Hoàn Kiếm và quận Hoàng Mai (hoàn thành trong tháng 9/2023).

- Sau khi hoàn thành làm điểm tại Hà Nội và Hà Nam (tháng 9, 10 năm 2023), Bộ sẽ tổng kết, rà soát và ban hành quy trình chính thức để triển khai rộng trên toàn quốc theo đúng nhiệm vụ giao của Đề án 06/CP.

1.6. Công tác an toàn, an ninh thông tin

a) Về công tác xác định và thực thi bảo vệ hệ thống thông tin theo cấp độ

- Tổ chức thẩm định hồ sơ cấp độ cho 21 hệ thống thông tin, trình phê duyệt và phê duyệt hồ sơ cấp độ và phương án bảo đảm an toàn thông tin cho 16 hệ thống thông tin, nâng tổng số hệ thống thông tin đã phê duyệt cấp độ của Bộ Tài nguyên và Môi trường là 24 hệ thống.

- Ngày 08/6/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 48/QĐ-TTg, đưa Hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu ra khỏi danh mục cấp độ 5. Hiện tại, Cục đang phối hợp với các đơn vị liên quan lập, trình thẩm định phê duyệt cấp độ 4 để đáp ứng được yêu cầu thực tế.

b) Bảo đảm các công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, phòng, chống phần mềm độc hại, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng, không để xảy ra các sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng.

1.7. Hướng dẫn ứng dụng CNTT tại các Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn, phối hợp triển khai các Dịch vụ công thiết yếu, kết nối cơ sở dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030.

b) Thúc đẩy thực hiện thu thập, quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu và khai thác sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng, triển khai Chính quyền điện tử: cung cấp hạ tầng CNTT, các hệ thống thông tin; hệ thống dịch vụ công trực tuyến, một cửa điện tử và các phần mềm hỗ trợ công tác quản lý và điều hành công việc; hỗ trợ, theo dõi, đôn đốc công tác an toàn thông tin.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Kiến nghị, đề xuất Bộ chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ và Sở Tài nguyên và Môi trường quan tâm, nâng cao nhận thức và đẩy mạnh chuyển đổi số, khắc phục vướng mắc, ứng dụng giải pháp công nghệ kỹ thuật phát triển Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường, cụ thể:

1. Tiếp tục hoàn thiện quy định pháp lý, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá để tạo thuận lợi cho chuyển đổi số, trong số hóa, xây dựng, hoàn thiện bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”; phát triển phần mềm, hệ thống thông tin và trong duy trì, vận hành, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Ưu tiên các điều kiện về thể chế, quy định, nguồn lực để hoàn thành xây dựng, duy trì vận hành các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin trọng yếu quốc gia, các nền tảng phát triển Chính phủ điện tử.

3. Ban hành hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền về cơ chế chính sách về tổ chức, chế độ đãi ngộ đặc thù đối với công chức, viên chức nhằm thu hút, khuyến khích, sử dụng nhân lực có chất lượng về công nghệ thông tin, khoa học dữ liệu, an toàn thông tin gắn bó, yên tâm công tác trong các cơ quan nhà nước.

4. Tham mưu để có cơ chế thực tế để ưu tiên bố trí nguồn thu từ đất để thực hiện số hóa, chuẩn hóa, hoàn thiện, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tại địa phương phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai, nhà ở, giao dịch bất động sản, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp về đất đai, nhà ở.

5. Các Sở Tài nguyên và Môi trường quan tâm cung cấp 100% DVCTT toàn trình theo nhiệm vụ, thẩm quyền phục vụ người dân, doanh nghiệp; xây dựng các CSDL ngành làm cơ sở chuyển đổi quy trình làm việc trên môi trường số; đặc biệt tham mưu cho UBND, khẩn trương đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06/CP để hoàn thành đúng thời hạn, bảo đảm chất lượng.

Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao sẵn sàng hỗ trợ, phối hợp các đơn vị trong ngành để triển khai chuyển đổi số, triển khai xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số tài nguyên và môi trường nói riêng góp phần chuyển đổi số quốc gia nói chung.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

1. Xây dựng, hoàn thiện, trình Bộ trưởng ban hành các văn bản, quy định kỹ thuật tạo môi trường cơ sở pháp lý thuận lợi, thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy định về giải quyết thủ tục hành chính, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật.

- Xây dựng và tổ chức triển khai quy định kỹ thuật thu thập, tạo lập, quản lý dữ liệu tài nguyên số về tài nguyên và môi trường (trong khuôn khổ dự án “Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (giai đoạn 1)”);

- Xây dựng, hoàn thiện các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

- Duy trì, cập nhật, tuân thủ Kiến trúc Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường; xây dựng, hoàn thiện Kiến trúc Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ số Việt Nam mới (dự kiến ban hành trong tháng 9/2023).

2. Tiếp tục triển khai xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số tài nguyên và môi trường theo: Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ, Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ); Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ); Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 (Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ); Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 (Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ); Chiến lược quốc gia Phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ), Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 (Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022); Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 06/QĐTTg ngày 06/01/2022):

- Tiếp tục vận hành, hoàn thiện, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Thông tin một cửa quốc gia; phát triển, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ; triển khai các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu nâng cao chỉ số Chính phủ điện tử Việt Nam theo đánh giá của Liên Hợp quốc.

- Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường với hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu của Chính phủ, các địa phương, bộ ngành phục vụ tích hợp, phân tích, tổng hợp dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, hoạch định chính sách, phát triển kinh tế - xã hội, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh. Ưu tiên xây dựng, đưa vào vận hành Hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu (MPLIS) hoàn thành trong năm 2024.

- Triển khai, hoàn thiện vận hành hạ tầng số, nền tảng số dùng chung đáp ứng yêu cầu của Bộ, ngành bảo đảm hiệu quả, thiết thực. Triển khai, vận hành, hoàn thiện các hệ thống thông tin sử dụng chung phục vụ chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ trên môi trường điện tử. Nâng cấp Trung tâm dữ liệu phục vụ phát triển Chính phủ số tại Bộ, đáp ứng yêu cầu triển khai các công nghệ cốt lõi của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cung cấp cơ sở hạ tầng, nền tảng và phần mềm ứng dụng dưới dạng dịch vụ cho các đơn vị thuộc Bộ.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh thông tin trên không gian mạng trong chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số tài nguyên và môi trường. Đảm bảo an toàn thông tin cho toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin và các Trung tâm dữ liệu. Hoàn thành việc lập, phê duyệt hồ sơ cấp độ và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cho các hệ thống thông tin của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Triển khai Kế hoạch phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Tiếp tục vận hành, hoàn thiện các hệ thống thông tin, dịch vụ, ứng dụng Chính phủ điện tử phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, quản trị, làm việc của Bộ, các đơn vị thuộc Bộ, ngành tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử, trực tuyến kết nối, tích hợp, cung cấp thông tin cho các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch của Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

a) Hoàn thành rà soát, sửa đổi 04 Thông tư (số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 và số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014) có quy định việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy, xác nhận thông tin tại nơi cư trú.

b) Tiếp tục triển tích hợp, liên thông, cung cấp 02 dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực đất đai theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022.

c) Tiếp tục hoàn thiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

d) Phối hợp với UBND TP. Hà Nội, tỉnh Hà Nam triển khai điểm làm giàu, làm sạch, cập nhật, quản lý dữ liệu về đất đai, thông tin nhà ở, địa chỉ số trong Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai, nhà ở; tiếp tục hoàn thiện để triển khai rộng trên toàn quốc.

5. Tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức để chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

6. Thực hiện công tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, nâng cao năng lực số, thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp bộ: "Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong chuyển đổi số và chính phủ điện tử ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2021 - 2025".

7. Bảo đảm công tác quản lý kho tư liệu và cung cấp thông tin, bảo quản, tu bổ tốt hệ thống tài liệu, thiết bị và kho lưu trữ theo quy định, thường xuyên được kiểm tra, xử lý mối mọt, vận hành sử dụng đúng quy định đảm bảo an toàn, khoa học và thuận tiện trong quá trình bảo quản, khai thác sử dụng, thực hiện cung cấp tài liệu thông tin lưu trữ thuận lợi theo quy định.

8. Hướng dẫn ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số tại các Sở Tài nguyên và Môi trường: phối hợp triển khai giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp; công tác thu thập, quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu và khai thác sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và điều hành công việc; hỗ trợ, theo dõi, đôn đốc công tác bảo đảm an toàn thông tin.

Trên đây là báo cáo Sơ kết 6 tháng đầu năm 2023 của Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường, kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Hội nghị.

Trân trọng./.

**CỤC CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ
THÔNG TIN DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**

PHỤ LỤC 01

**DANH SÁCH CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ THỰC HIỆN KẾT NỐI
CSDL ĐẤT ĐAI VỚI CSDL QG VỀ DÂN CƯ**

STT	Tên tỉnh	Số huyện đã kết nối	Số xã đã kết nối	Ghi chú
I	CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ ĐÃ HOÀN THÀNH KẾT NỐI			
1	TP. Hồ Chí Minh	22/22	312/312	
2	Hải Dương	12/12	235/235	
3	Bắc Giang	10/10	209/209	
4	Long An	15/15	188/188	
5	Thái Nguyên	9/9	178/178	
6	Hung Yên	10/10	161/161	
7	Bến Tre	9/9	157/157	
8	An Giang	11/11	156/156	
9	Đồng Tháp	12/12	143/143	
10	Vĩnh Long	8/8	107/107	
11	Lai Châu	8/8	106/106	
12	Trà Vinh	9/9	106/106	
13	Cà Mau	9/9	101/101	
14	Bình Dương	9/9	91/91	
15	Cần Thơ	9/9	83/83	
16	Bà Rịa - Vũng Tàu	8/8	82/82	
17	Bạc Liêu	7/7	64/64	
18	Đà Nẵng	8/8	56/56	
II	CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ ĐÃ KẾT NỐI (CHƯA HOÀN THÀNH 100%)			
19	TP. Hà Nội	2/30	32/579	
20	Hà Giang	1/11	15/193	
21	Cao Bằng	2/10	33/128	
22	Bắc Kạn	8/8	92/108	
23	Lào Cai	9/9	116/152	
24	Điện Biên	1/10	6/130	
25	Sơn La	10/12	115/204	
26	Yên Bái	6/9	87/173	
27	Hoà Bình	2/10	26/151	
28	Lạng Sơn	3/11	55/200	
29	Phú Thọ	1/13	17/225	
30	Vĩnh Phúc	9/9	49/136	
31	Bắc Ninh	7/8	47/126	
32	Hải Phòng	14/15	204/217	
33	Thái Bình	8/8	257/260	
34	Hà Nam	4/6	32/109	

35	Nam Định	5/10	79/226	
36	Ninh Bình	3/8	56/143	
37	Thanh Hóa	8/27	97/559	
38	Nghệ An	19/21	324/460	
39	Hà Tĩnh	13/13	205/216	
40	Quảng Bình	6/8	82/151	
41	Quảng Trị	9/10	124/125	
42	Thừa Thiên Huế	5/9	52/141	
43	Quảng Nam	18/18	190/241	
44	Quảng Ngãi	2/13	33/173	
45	Bình Định	1/11	2/159	
46	Phú Yên	9/9	104/110	
47	Khánh Hòa	2/9	45/139	
48	Ninh Thuận	4/7	33/65	
49	Bình Thuận	10/10	108/124	
50	Kon Tum	1/10	13/102	
51	Gia Lai	15/17	146/220	
52	Đắk Lắk	9/15	87/184	
53	Đắk Nông	1/8	11/71	
54	Bình Phước	4/11	42/111	
55	Tây Ninh	6/9	45/94	
56	Tiền Giang	2/11	29/172	
57	Kiên Giang	5/15	41/144	
58	Sóc Trăng	1/11	13/109	
59	Tuyên Quang	1/7	1/138	
60	Quảng Ninh	1/13	1/177	
61	Lâm Đồng	1/12	1/142	
62	Đồng Nai	1/11	1/170	
63	Hậu Giang	1/8	1/75	
III	TỔNG	435/705	5682/10598	

PHỤ LỤC 02

**DANH SÁCH CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ KẾT NỐI, TÍCH HỢP, CÔNG BỐ,
CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG
QUỐC GIA, KẾT NỐI VỚI CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ**

STT	Tỉnh/ thành phố	Số lượng hồ sơ nộp qua Cổng Dịch vụ công quốc gia		Ghi chú
		Đề án 06/CP	Quyết định 422/QĐ-TTg	
I	CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ ĐÃ HOÀN THÀNH TRIỂN KHAI THEO ĐỀ ÁN 06/CP VÀ QUYẾT ĐỊNH 422/QĐ-TTG			
1	Thái Nguyên	3.398	17.107	
2	Lạng Sơn	3.100	1.809	
3	Trà Vinh	3.824	3	
4	Hưng Yên	1.432	0	
5	Thái Bình	241	1.135	
6	Cần Thơ	1.226	7	
7	Đồng Nai	544	520	
8	Bắc Kạn	780	249	
9	Hà Giang	1.001	3	
10	Long An	90	277	
11	Hòa Bình	203	0	
12	Bình Thuận	21	43	
13	Bắc Ninh	21	0	
14	Cà Mau	0	0	
15	Bến Tre	0	0	
16	Sơn La	0	0	
17	Hải Dương	0	0	
18	Bạc Liêu	0	0	
19	Tiền Giang	0	0	
20	Điện Biên	0	0	
21	Hà Nam	0	0	
22	Thừa Thiên Huế	0	0	
23	Ninh Thuận	0	0	
24	Sóc Trăng	0	0	
25	Bình Phước	0	0	
26	Gia Lai	0	0	
27	Phú Thọ	0	0	
28	Đồng Tháp	0	0	
29	Hậu Giang	0	0	
30	Tuyên Quang	0	0	
31	Hải Phòng	0	0	

32	Nam Định	0	0	
33	Cao Bằng	0	0	
34	Kon Tum	0	0	
35	Ninh Bình	0	0	
36	Quảng Trị	0	0	
37	An Giang	0	0	
38	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	
39	Nghệ An	0	0	
40	Quảng Bình	0	0	
41	Bình Định	0	0	
42	Hà Tĩnh	0	0	
43	Quảng Ninh	0	0	
44	Thanh Hóa	0	0	
45	Đắk Lắk	0	0	
46	Lào Cai	0	0	
47	Vĩnh Long	0	0	
48	Phú Yên	0	0	
II	CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ ĐÃ HOÀN THÀNH TRIỂN KHAI THEO ĐỀ ÁN 06/CP NHƯNG CHƯA TRIỂN KHAI DVC TRỰC TUYẾN THEO QUYẾT ĐỊNH 422/QĐ-TTG			
49	Đà Nẵng	203	0	
50	Bình Dương	0	0	
51	Khánh Hòa	0	0	
52	Vĩnh Phúc	0	0	
53	Quảng Nam	0	0	
54	Hà Nội	0	0	
55	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	
56	Lai Châu	0	0	
57	Quảng Ngãi	0	0	
58	Lâm Đồng	0	0	
59	Tây Ninh	0	0	
60	Kiên Giang	0	0	
61	Bắc Giang	0	0	
62	Yên Bái	0	0	
63	Đắk Nông	0	0	